

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÀI GÒN**

BAN KIỂM SOÁT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2016



**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2015**

**Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính niên độ 2015 của Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán số 2083/16/BCKT/AUD-VVALUESS ngày 10 tháng 3 năm 2016.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn, Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn trong năm 2015 như sau :

I. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty:

1. Về Báo cáo tài chính:

Tài sản	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	%
A. Tài sản ngắn hạn	21.208.388.237	28.820.383.584	7.611.995.347	35,9%
I. Tiền	1.780.891.796	7.298.719.345	5.517.827.549	309,8%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.750.000.000	12.300.000.000	550.000.000	4,7%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.904.106.159	4.601.455.057	697.348.898	17,9%
1. Phải thu khách hàng	3.423.974.103	3.687.859.564	263.885.461	7,7%
2. Trả trước cho người bán	67.500.000	32.445.700	(35.054.300)	-51,9%
3. Các khoản phải thu khác	635.581.724	1.001.149.793	365.568.069	57,5%
4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(222.949.668)	(120.000.000)	102.949.668	-46,2%
IV. Hàng tồn kho	3.773.390.282	4.620.209.182	846.818.900	22,4%
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-
B. Tài sản dài hạn	94.041.684.535	89.266.867.901	(4.774.816.634)	-5,1%
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	93.434.095.718	1.450.252.892	(91.983.842.826)	-98,4%
1. Tài sản cố định hữu hình	93.434.095.718	1.450.252.892	(91.983.842.826)	-98,4%
a. Nguyên giá	117.019.034.908	2.906.511.515	(114.112.523.393)	-97,5%
b. Giá trị hao mòn lũy kế	(23.584.939.190)	(1.456.258.623)	22.128.680.567	-93,8%
2. Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
a. Nguyên giá	-	-	-	-
b. Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
III. Bất động sản đầu tư	-	87.098.980.738	87.098.980.738	-
a. Nguyên giá	-	114.052.308.819	114.052.308.819	-
b. Giá trị hao mòn lũy kế	-	(26.953.328.081)	(26.953.328.081)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	607.588.817	717.634.271	110.045.454	18,1%
1. Chi phí XDCB dở dang	607.588.817	717.634.271	110.045.454	18,1%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng cộng tài sản	115.250.072.772	118.087.251.485	2.837.178.713	2,5%

Nguồn vốn	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	%
A. Nợ phải trả	78.958.710.763	80.307.302.210	1.348.591.447	1,7%
I. Nợ ngắn hạn	13.976.560.704	18.425.217.128	4.448.656.424	31,8%
1. Vay ngắn hạn	0	-	-	-
2. Phải trả người bán	6.314.041.394	7.107.909.760	793.868.366	12,6%
3. Người mua trả tiền trước	984.448.330	332.565.599	(651.882.731)	-66,2%
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.325.190.686	4.141.009.598	1.815.818.912	78,1%
5. Phải trả người lao động	172.924.924	467.576.193	294.651.269	170,4%
6. Chi phí phải trả	45.677.415	-	(45.677.415)	-100,0%
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.716.621.214	2.064.778.486	348.157.272	20,3%
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.230.878.763	3.853.082.996	1.622.204.233	72,7%
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	186.777.978	458.294.496	271.516.518	145,4%
II. Nợ dài hạn	64.982.150.059	61.882.085.082	(3.100.064.977)	-4,8%
2. Phải trả dài hạn khác	64.982.150.059	61.882.085.082	(3.100.064.977)	-4,8%
B. Vốn chủ sở hữu	36.291.362.009	37.779.949.275	1.488.587.266	4,1%
I. Vốn chủ sở hữu	36.291.362.009	37.779.949.275	1.488.587.266	-
1. Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	25.000.000.000	5.000.000.000	25,0%
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	20.000.000.000	25.000.000.000	5.000.000.000	25,0%
b. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

a. Về tài sản: Tổng tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2013 là 118,087 tỷ đồng, tăng 2,837 tỷ đồng đồng so với đầu năm, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 28,820 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24,40% trong tổng tài sản, tăng 7,612 tỷ đồng so với đầu năm; bao gồm:

+ Tiền và tương đương tiền là 7,298 tỷ đồng, tăng 5,518 tỷ đồng so với đầu năm.

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn 12,300 tỷ đồng, tăng 550 triệu đồng so với đầu năm.

+ Phải thu ngắn hạn 4,601 tỷ đồng, tăng 697 triệu đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi 120 triệu đồng, số đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 120 triệu đồng.

+ Hàng tồn kho 4,620 tỷ đồng, tăng 847 triệu đồng so với đầu năm.

- Tài sản dài hạn 89,267 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,60% trong tổng tài sản, giảm 4,775 tỷ đồng so với đầu năm; bao gồm:

+ Tài sản cố định 1,450 tỷ đồng, giảm 91,984 tỷ đồng so với đầu năm do điều chuyển sang bất động sản đầu tư.

+ Bất động sản đầu tư 87,099 tỷ đồng, tăng 87,099 tỷ đồng, tăng 87,099 tỷ đồng so với đầu năm do điều chuyển từ TSCĐ sang.

+ Tài sản dở dang dài hạn là Chi phí XD CB dở dang 717 triệu đồng, tăng 110 triệu đồng so với đầu năm.

b. Về nguồn vốn:

- Nợ phải trả 80,307 tỷ đồng, , chiếm tỷ trọng 68% trong tổng nguồn vốn, tăng 1,348 tỷ đồng so với đầu năm; bao gồm:

+ Nợ ngắn hạn 18,425 tỷ đồng, tăng 4,448 tỷ đồng so với đầu năm.

+ Nợ dài hạn 61,882 tỷ đồng, giảm 3,1 đồng so với đầu năm. Nợ dài hạn chủ yếu là các khoản vốn góp hợp tác đầu tư các dự án của công ty như: Cty TNHH Hoàng Triều 38,208 tỷ đồng (DA 141 Nguyễn Du), Cty TNHH SXTMXD Chấn Lập 2,790 tỷ đồng (DA 44-46 Phan Bội Châu), Cty CP Phát triển nhà Thủ Đức 18,054 tỷ đồng (DA 219-221 XVNT Q BT) và phải trả các đối tượng khác 2,830 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu 37,780 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32% trong tổng nguồn vốn, tăng 1,489 tỷ đồng; bao gồm:

+ Vốn góp của chủ sở hữu là 25 tỷ đồng, tăng 5 tỷ đồng so với đầu năm.

+ Thặng dư vốn cổ phần 4,210 tỷ đồng, giảm 5 tỷ đồng so với đầu năm do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

+ Quỹ đầu tư phát triển 5,940 tỷ đồng, tăng 705 triệu so với đầu năm do trích lập quỹ theo qui định.

+ Lợi nhuận sau thuế 2,630, tăng 784 triệu so với đầu năm do tích lũy từ lợi nhuận hoạt động trong năm.

Nhìn chung, tình hình tài chính cơ bản đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý đối với công ty.

2. Về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015:

ĐVT : 1000 đồng

Chỉ tiêu	KH 2015	TH 2015	TH 2014	TH2015/ TH 2014 (%)	TH2015/ KH 2015 (%)
A	1	2	3	4 = 2/3	5 = 2/1
DT bán hàng và DV	92.200.000	105.677.671	112.260.053	94,14	114,62
Giá vốn hàng bán		76.658.739	85.881.986	89,26	
Lợi nhuận gộp về bán hàng		29.018.932	26.378.067	110,01	
DT hoạt động tài chính	1.300.000	400.528	558.647	71,69	30,81
Chi phí hoạt động tài chính		3.266.584	2.772.814	117,81	
Trong đó : Chi phí lãi vay		-	-	-	
Chi phí bán hàng		568.909	1.117.412	50,91	
Chi phí quản lý DN		16.549.878	14.675.880	112,77	
Lợi nhuận thuần từ HĐKD		9.034.089	8.370.608	107,93	
Thu nhập khác	1.500.000	67.174	2.679.681	2,51	4,47
Chi phí khác		5.782	2.745.545	0,21	
Lợi nhuận khác		61.392	-65.864	-93,21	
Tổng lợi nhuận trước thuế	8.200.000	9.095.481	8.304.744	109,52	110,92
Chi phí thuế TNDN		2.050.084	1.900.526	107,87	
LN sau thuế TNDN		7.045.397	6.404.218	110,01	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ)		2.882	2.722	105,88	

Nhận xét Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 :

- Tổng doanh thu : 106,145 tỷ đồng, trong đó doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ 105,677 tỷ đồng đạt 114,62% kế hoạch, bằng 94,14% so với cùng kỳ 2014; thu nhập tài chính 400,528 triệu đồng, đạt 30,81% kế hoạch, bằng 71,69% so với cùng kỳ 2014; thu nhập khác 67,174 triệu đồng, đạt 4,47% kế hoạch, bằng 2,51% so với cùng kỳ 2014.
- Lợi nhuận trước thuế : 9,095 tỷ đồng, đạt 110,92% kế hoạch và bằng 109,52% so với cùng kỳ 2014.

- Tỷ suất lợi nhuận gộp của bán hàng và dịch vụ là 27,46%, tăng 3,96% so với năm 2014 (tỷ suất LN gộp năm 2014 là 23,50%). Tỷ suất lợi nhuận trước thuế là 8,57%, tăng 1,38% so với năm 2014 (tỷ suất LN trước thuế năm 2014 là 7,19%)

Nói chung, các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng trưởng; riêng doanh thu thương mại (chủ yếu kinh doanh vải sợi) chiếm tỷ trọng 68,34% trong tổng doanh thu, trong khi lợi nhuận chỉ đạt 131,4 triệu đồng và bằng 1,44% tổng lợi nhuận của công ty, đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng tỷ suất lợi nhuận của công ty.

3. Đánh giá một số chỉ số tài chính năm 2015:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản	%		
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		24,41	18,40
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		75,59	81,60
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		68,01	68,51
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn		31,99	31,49
	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu		212,56	217,57
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	Hệ số thanh toán hiện hành		1,56	1,52
	Hệ số thanh toán nhanh		1,06	0,97
	Hệ số bảo toàn vốn		1,07	1,05
4	Khả năng sinh lời	%		
	Tỷ suất l/nhuận trước thuế/DT thuần		8,61	7,40
	Tỷ suất l/nhuận sau thuế/DT thuần		6,67	5,70
	Tỷ suất l/nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)		5,97	5,56
	Tỷ suất l/nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)		18,65	17,65

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của công ty năm 2015 đều có chiều hướng tốt hơn năm 2014, đạt yêu cầu so với mức so sánh chung, bảo toàn được vốn chủ sở hữu; qua đó thể hiện tình hình tài chính lành mạnh,. Cụ thể:

- Các hệ số thanh toán đều đạt yêu cầu, đảm bảo tính thanh khoản cho công ty trong ngắn hạn.
- Các Hệ số nợ của công ty năm 2015 cũng tương đương như năm 2014; riêng Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cao (chủ yếu là do nợ dài hạn) do vốn góp của các đối tác vào các dự án của công ty.
- Các chỉ tiêu sinh lời năm 2015 đều tăng trưởng so với năm 2014.

4. Về cân đối nguồn vốn tại ngày 31/12/2015:

Nguồn hình thành		Sử dụng vốn đầu tư	
A. Nguồn dài hạn (1a)	125.441.776.768	A. Tài sản dài hạn (1b)	117.676.454.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	1. Tài sản cố định	116.958.820.334
2. Thặng dư vốn cổ phần	4.210.000.000	2. Chi phí XD cơ bản dở dang	717.634.271
3. Khấu hao tích lũy	28.409.586.704	3. Chi phí trả trước dài hạn	0
4. Quỹ ĐTPT	5.940.104.982	4. Đầu tư tài chính dài hạn	0
5. Vay và nợ dài hạn	61.882.085.082		
Nguồn dài hạn thừa (1a-1b)	7.765.322.163		
B. Nguồn ngắn hạn (1c)	18.425.217.128	B. Tài sản ngắn hạn (1d)	21.521.664.239
1. Vay và nợ ngắn hạn	0	1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.300.000.000
2. Phải trả cho người bán	7.107.909.760	2. Nợ phải thu	4.601.455.057
3. Người mua trả tiền trước	332.565.599	3. Hàng tồn kho	4.620.209.182
4. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.984.741.769	4. Tài sản ngắn hạn khác	0
Nguồn ngắn hạn thiếu (1c-1d)	3.096.447.111		
C. Lợi nhuận chưa phân phối	2.629.844.293	C. Tiền và tương đương tiền	7.298.719.345

So với năm 2014, các tài sản ngắn hạn như đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho đều tăng lên trong khi nguồn ngắn hạn không đủ bù đắp đã được tài trợ bởi nguồn dài hạn. Tuy vậy, nguồn dài hạn dồi dào làm tăng số dư tiền và tương đương tiền so với đầu năm nên công ty cần lưu ý, cần trọng trong quản lý khoản mục này.

II. Về hoạt động của Hội đồng quản trị công ty :

Hoạt động của Hội đồng quản trị công ty trong năm 2015 đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty.

Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông cũng như những Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã tiến hành điều đặn các cuộc họp định kỳ theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bằng cách thông qua các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

III. Về hoạt động của Ban điều hành:

Ban điều hành và các cán bộ quản lý công ty đã thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị để hoàn thành tốt mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2015.

Các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính đã được báo cáo tại Đại hội cổ đông là xác thực, đúng với kết quả đạt được của công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

IV. Về hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Tình hình tổ chức nhân sự của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát gồm có 3 thành viên, trong đó có hai (02) thành viên là nhân sự đại diện vốn của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn và một (01) thành viên độc lập đã được ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2015-2020 bầu chọn.
2. Các hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát:
 - Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị, qua đó đóng góp ý kiến về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng hoạt động của Công ty.
 - Tham gia góp ý các quy chế, quy định nội bộ để có các kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, các quy định của pháp luật hiện hành..
 - Trong năm, tổ chức thẩm định, soát xét các báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; thống nhất nhận định, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

V. Kiến nghị :

1. Kiến nghị :

- a. Về hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại cần thận trọng, cần tiến hành các bước, các trình tự thủ tục một cách chặt chẽ, không sai sót, tránh để xảy ra công nợ không có khả năng thu hồi. Không nên chạy theo doanh thu mà cần chú trọng tới tính hiệu quả kinh doanh mang lại.
- b. Về đầu tư các dự án: Đối với các bất động sản đầu tư của công ty, BKS đề nghị công ty hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ pháp lý theo qui định cho các tài sản này nhằm có cơ sở để ghi nhận giá trị các khoản mục đầu tư tại các dự án này.

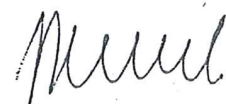
Trên đây là nội dung báo cáo tình hình hoạt động năm 2015 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ 2016,
- HĐQT Cty;
- Các TV BKS Cty,

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hữu Trung